

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DSST

Ngày: 12/3/2019

V/v: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mười

2. Ông Trần Văn Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà La Thị Thúy Vi-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Phan Thị T, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp X, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2018, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Ngày 25/6/2018AL, bà Nguyễn Thị P có vay của bà T số tiền 10.000.000đồng. Lãi suất vay thỏa thuận là 5%/tháng. Lãi suất vay trả góp hàng ngày là 3%/tháng.

Việc bà P vay tiền có làm giấy nợ ngày 25/6/2018AL. Đến nay bà P không trả lãi cũng không hoàn trả tiền vốn vay cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà P trả lại cho bà T 10.000.000đồng tiền vốn vay và tiền lãi suất là 300.000đồng. Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên. Bà T không yêu cầu chồng bà P có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả nợ.

Tại Biên bản làm việc của Tòa án ngày 18/01/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Do quen biết có làm ăn qua lại, ngày 25/6/2018 AL bà P có vay của bà T số tiền 10.000.000đồng. Lãi suất vay là 20%/tháng. Bà P vay và góp lại mỗi ngày trả cho bà T. Mỗi ngày bà P góp 400.000đồng, góp trong vòng 29 ngày. Sau khi vay bà P đã góp lại cho bà T đủ 29 ngày. Do quen biết nên khi góp tiền cho bà T, bà P không yêu cầu bà T ghi giấy tờ hay biên nhận đã nhận tiền góp mỗi ngày. Bà P không còn nợ tiền bà T. Nay bà T kiện đòi, bà P không đồng ý trả số tiền 10.300.000đồng cho bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có quan điểm:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ Điều 91, 92 BLTTDS, Điều 463, khoản 4 Điều 466 BLDS, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà P trả cho bà T 10.000.000đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu chồng bà P trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị P được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà P là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là bà Phan Thị T và bị đơn là bà Nguyễn Thị P được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn bà Phan Thị T cho rằng bà Nguyễn Thị P có nợ bà T số tiền vay là 10.000.000đồng. Sau khi vay đến nay bà P không trả tiền lãi và tiền vốn. Chứng cứ bà T khởi kiện là giấy mượn tiền do bà P ký với số tiền nợ là 10.000.000 đồng vào ngày 25/6/2018 AL.

HĐXX xét thấy, Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bà P thừa nhận có vay 10.000.000đồng của bà T. Bà P cho rằng đã góp 29 ngày, mỗi ngày là 400.000đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên cho bà T. Như vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền

10.000.000đồng tiền vốn vay là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy cần buộc bà P có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn vay là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

Tại tòa bà T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên được ghi nhận.

[4] Về án phí DSST có giá ngạch 5%: Bà P nộp theo quy định của pháp luật: 10.000.000đồng x 5% = 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ vay.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị T số tiền nợ vay là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu chồng bà P có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ trên.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, khoản tiền hoàn trả nêu trên chưa thi hành sẽ được áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3/ Án phí DSST có giá ngạch 5%:

Bà Nguyễn Thị P phải nộp là 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*).

Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 257.000đồng (*Hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0020655 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Các bên đương sự
- Chi cục THA dân sự huyện
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng

